

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-PT

Ngày 29 - 6 - 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn.

Các Thẩm phán: 1. Ông Lương Văn Đài.

2. Ông Đặng Phi Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai: Bà Trần Thị Minh Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2021/HNGĐ-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2021/QĐ-PT, ngày 14 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Hoàng H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà 036, đường N, phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị Hồng N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số nhà 036, đường N, phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Bị đơn chị Hoàng Thị Hồng N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Phạm Hoàng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hoàng H và chị Hoàng Thị Hồng N tự nguyện kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự thông cảm, không cùng chung tiếng nói, chị N có vay nợ tiền bên ngoài, gây ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Mâu thuẫn đã được bạn bè, gia đình hòa giải nhưng không thành. Từ tháng 9/2020 anh và chị N đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị Hồng N.

Về con chung: Quá trình chung sống anh H và chị N có 02 người con chung là cháu Phạm Hoàng Gia H, sinh ngày 21/9/2006 và cháu Phạm Hoàng Gia B, sinh ngày 21/7/2015. Khi ly hôn anh đề nghị để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Phạm Hoàng Gia B mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Hoàng Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị công nhận về thời gian, điều kiện và địa điểm đăng ký kết hôn như anh Phạm Hoàng H trình bày là đúng sự thật. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc, đến tháng 9/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không cùng chung tiếng nói trong cuộc sống do mâu thuẫn về kinh tế chứ không có mâu thuẫn gì về tình cảm, chị vẫn còn tình cảm với anh H. Vì vậy chị N không đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh H.

Về con chung: Chị N xác nhận anh, chị có 02 người con chung như anh H trình bày. Chị không đồng ý ly hôn nên không đồng ý giải quyết việc nuôi con chung. Trường hợp buộc phải ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi và đề nghị anh H có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Phạm Hoàng Gia B số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án Hôn nhân và gia đình số 04/2021/HNGĐ-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Hoàng H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Hoàng H được ly hôn với chị Hoàng Thị Hồng N. Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị N chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng Gia H, sinh ngày 21/9/2006 và cháu Phạm Hoàng Gia B, sinh ngày 21/7/2015 cho chị Hoàng Thị Hồng N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng cháu Phạm Hoàng Gia B mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn chị Hoàng Thị Hồng N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của anh Phạm Hoàng H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn chị Hoàng Thị Hồng N giữ nguyên nội dung kháng cáo, nguyên đơn anh Phạm Hoàng H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định theo điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình số 04/2021/HNGĐ-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai. Tuyên án phí cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn chị Hoàng Thị Hồng N có đầy đủ các nội dung theo mẫu đơn và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên được xác định là hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh H và chị N kết hôn với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Do vậy hôn nhân giữa anh H và chị N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt và kinh tế gia đình. Chị N thừa nhận có mâu thuẫn về kinh tế gia đình, nhưng không có mâu thuẫn gì về tình cảm, chị N xác định chị vẫn còn tình cảm với anh H nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H. Trên thực tế anh H và chị N đã sống ly thân và không quan tâm, chăm sóc nhau từ tháng 9/2020 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Hoàng Thị Hồng N.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào nguyện vọng của con, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, thu nhập thực tế của anh H, chị N và nguyện vọng của chị N về việc nuôi con. Tòa án cấp sơ thẩm đã giao hai con của anh H, chị N cho chị N chăm sóc, giáo dục và buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Phạm Hoàng Gia B số tiền 1.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn chị Hoàng Thị Hồng N không được chấp nhận, nên chị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Hoàng Thị Hồng N, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2021/HNGĐ-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Hoàng H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Hoàng H được ly hôn với chị Hoàng Thị Hồng N. Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị N chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng Gia H, sinh ngày 21/9/2006 và cháu Phạm Hoàng Gia B, sinh ngày 21/7/2015 cho chị Hoàng Thị Hồng N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Phạm Hoàng Gia B số tiền 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người thi hành án không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Hoàng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận anh H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2012/0008813 ngày 17/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Anh H còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Hoàng Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000502 ngày 01/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND Tp.Lào Cai;
- Chi cục THADS Tp.Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Toàn